

Bản án số: 329/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Cao Hoàng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 7 năm 2022 và 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/07/2022 và số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/07/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Diệp Lê T, năm sinh: 1990; địa chỉ: Số 129/4 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lý Diệu K, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 671/10B (lầu 2 + gác lửng) đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện (về việc ly hôn) đề ngày 18/05/2021, tờ tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn – bà Diệp Lê T trình bày:

Bà Diệp Lê T và ông Lý Diệu K chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2016. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông K đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Ông K ngoại tình từ tháng 9

năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà T và ông K có 01 (một) con chung là Lý Hạo N (nữ), sinh ngày 30/6/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định bà T và ông K không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Diệu K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 5 đã thực hiện đúng, đủ các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật có liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Diệp Lệ T được ly hôn ông Lý Diệu K và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Hạo N (nữ), sinh ngày 30/6/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Diệp Lệ T khởi kiện “Tranh chấp ly hôn”, khi khởi kiện bị có địa chỉ thường trú tại số 671/10B (lầu 2 + gác lửng) đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai bà T yêu cầu được ly hôn với ông K do có mâu thuẫn vợ chồng, ông K ngoại tình. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận,

hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông K đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông K. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K đến Tòa để hòa giải nhưng ông K không hợp tác và không có mặt để hòa giải. Điều đó chứng tỏ ông K không có thiện chí tham gia hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà T yêu cầu được ly hôn ông K là có cơ sở cần chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh Lý Hạo N có cơ sở xác định bà T và ông K có 01 con chung là Lý Hạo N (nữ), sinh ngày 30/6/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Lý Hạo N là con gái đang còn nhỏ nên rất cần tình thương yêu, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ, đặc biệt là sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bà T có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng Lý Hạo N. Do đó, để đảm bảo việc phát triển toàn diện cả về thể chất và T sinh lý của Lý Hạo N cần để bà T được nuôi dưỡng Lý Hạo N. Do bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có cơ sở chấp nhận.

[3]- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Diệp Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với tranh chấp ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Lệ T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Lệ T được ly hôn ông Lý Diệu K.

1.2. Về con chung: Bà Diệp Lệ T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Hạo N (nữ), sinh ngày 30/6/2018. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Diệp Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với tranh chấp ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0036550 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2016 không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND TP.HCM
- VKSND Q.5
- Chi cục THADS Q.5
- Các đương sự
- Lưu VP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Thảo